

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1025 /STC-GCS
V/v thẩm định văn bản

Hà Nam, ngày 28 tháng 5 năm 2018

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam.

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/06/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Trên cơ sở tham gia ý kiến của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Sở Tài chính tổng hợp, hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết “*Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam*” (có dự thảo kèm theo)

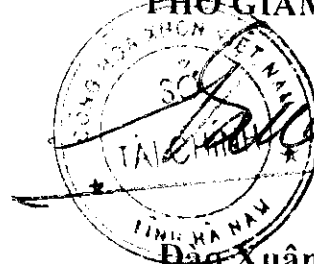
Sở Tài chính trân trọng đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo nêu trên. Ý kiến thẩm định gửi về Sở Tài chính trước ngày 29/5/2018 để Sở Tài chính tổng hợp, hoàn thiện trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành.

Đề nghị đơn vị quan tâm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GCS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đào Xuân Ngũ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2018/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHOÁ ..., KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2018 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2018, có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2018 và thay thế Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 13 về việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản xác lập quyền sở hữu nhà nước./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Báo Hà Nam;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT, CV.

Phạm Sỹ Lợi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND
ngày / /2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam.

2. Việc quản lý, sử dụng đối với tài sản công là tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh quốc gia; tài sản dự trữ quốc gia; tài sản công tại các đơn vị lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tỉnh không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước;
2. Đơn vị sự nghiệp công lập;
3. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện;
4. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội;
5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đối với tài sản công

1. Sở Tài chính tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản công trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc tỉnh quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện), Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công theo dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được phê duyệt đối với:

- a) Trụ sở làm việc;
- b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;
- c) Tài sản công khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm theo đề nghị của Sở Tài chính.

2. Đối với tài sản mua sắm là phương tiện vận tải; máy móc, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản công (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm của cơ quan, tổ chức và đơn vị trực thuộc từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản công (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu

đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm của cơ quan, tổ chức và đơn vị trực thuộc từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch.

d) Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương quyết định mua sắm tài sản công (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thẩm quyền phân bổ kinh phí mua sắm tài sản công

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ kinh phí mua sắm tài sản đối với các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ kinh phí mua sắm tài sản đối với các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản phục vụ hoạt động quản lý nhà nước cấp xã quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với trường hợp có giá thuê (tính cho cả thời gian thuê hoặc tính cho một hợp đồng) từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với trường hợp số tiền thuê (tính cho cả thời gian thuê hoặc tính cho một hợp đồng) từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với trường hợp số tiền thuê (tính cho cả thời gian thuê hoặc tính cho một hợp đồng) từ 20 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, cấp huyện (có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với trường hợp số tiền thuê (tính cho cả thời gian thuê hoặc tính cho một hợp đồng) dưới 20 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý, bao gồm:

- a) Trụ sở làm việc;
- b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;
- c) Tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với tài sản nhà nước là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi cấp huyện và cấp xã quản lý đối với tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các tài sản:

- a) Trụ sở làm việc;
- b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;
- c) Tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các sở, ban, ngành thuộc địa phương quản lý, giữa các đơn vị cấp tỉnh với cấp huyện, giữa các huyện, thành phố đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện với cấp xã; giữa cấp xã với nhau đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các tài sản:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

c) Tài sản là động sản tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản công đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

5. Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện quyết định bán tài sản công đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các tài sản:

a) Nhà, công trình xây dựng phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

c) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các tài sản:

a) Nhà, công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh

Quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với các tài sản:

a) Nhà và công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý đối với các tài sản:

a) Nhà và công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quyết định thanh lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đối với nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị một tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

Điều 10. Tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các loại tài sản:

a) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

b) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại tại cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối các loại tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tại các cơ quan thuộc phạm vi quản lý, sử dụng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý đối với các loại tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại tại cơ quan trực tiếp quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

Mục 2

PHÂN CẤP THẨM QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền trong việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc sửa chữa lớn, bảo dưỡng tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khấu hao tài sản và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đơn vị. Riêng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp gắn liền với đất và phương tiện vận tải đã được đầu tư từ ngân sách nhà nước khi thực hiện sửa chữa lớn, bảo dưỡng phải có ý kiến của Sở Tài chính và Sở Xây dựng trước khi thực hiện.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên

Thực hiện như phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan nhà nước tại Mục 1 Chương II Quy định này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn gốc ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 4 Mục 1 Quy định này.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Mục 1 Quy định này.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

1. Tài sản được hình thành có nguồn gốc ngân sách nhà nước thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý tài sản là:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;
- c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Tài sản được hình thành có nguồn gốc ngân sách nhà nước thì Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán, thanh lý tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

3. Tài sản được hình thành có nguồn gốc ngân sách nhà nước thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán, thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với các tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

4. Tài sản được hình thành có nguồn gốc ngân sách nhà nước thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán, thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý đối với các tài sản là động sản có

nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

5. Tài sản được hình thành có nguồn gốc ngân sách nhà nước thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán, thanh lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị một tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

6. Tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vay, vốn huy động theo quy định trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật về bán, thanh lý tài sản công.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

1. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc ngân sách nhà nước để thuê tài sản. Thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Mục 1 Quy định này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định việc tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

Thẩm quyền quyết định việc tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Mục 1 Chương II Quy định này.

Mục 3

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Điều 18. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Thẩm quyền mua sắm, thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước giao phục vụ hoạt động của Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Mục 1 Chương II quy định này.

2. Thẩm quyền thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy thực hiện theo quy định tại Điều 6 Mục 1 Chương II quy định này.

3. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 25 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 7 Mục 1 Chương II quy định này.

4. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 26, các điểm a, b và c khoản 3 Điều 27 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Mục 1 Chương II quy định này.

5. Thẩm quyền quyết định việc tiêu hủy và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 28 và các điểm a, b và c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 10 Mục 1 Chương II quy định này.

Mục 4

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 19. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại tổ chức chính trị - xã hội.

Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại tổ chức chính trị - xã hội thực hiện như phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước quy định tại Mục 1 Chương II Quy định này.

Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện như phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Mục 2 Chương II Quy định này.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại tổ chức

chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội được thực hiện như sau:

1. Đối với tài sản là trụ sở làm cơ sở hoạt động sự nghiệp tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội đã được Nhà nước giao hoặc được hình thành từ ngân sách nhà nước được thực hiện như đối với cơ quan nhà nước quy định tại Mục 1 Chương II Quy định này.

2. Đối với tài sản không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức.

Mục 5

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 21. Thẩm quyền quyết định phương án điều chuyển tài sản, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các dự án sử dụng vốn nhà nước

Thực hiện như phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước tại Mục 1 Chương II Quy định này.

CHƯƠNG III

TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 22. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án (giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải khác, ca nô, tàu, thuyền, phà.;

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án (giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) đối với tài sản: máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Phạm Sỹ Lợi